

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



LÊ BẢO TOÀN

**PHÁP LUẬT VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8.38.01.07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thuỷ**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật
Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Những điểm mới của đề tài	5
7. Bố cục của luận văn	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT.....	7
1.1. Một số vấn đề lý luận về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	7
1.1.1. Khái niệm thuốc bảo vệ thực vật.....	7
1.1.2. Khái niệm sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	7
1.1.3. Những ảnh hưởng đến môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	7
1.2. Một số vấn đề lý luận về pháp luật sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	9
1.2.1. Khái niệm pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	9
1.2.2. Những yếu tố hợp thành pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	9
1.2.2.1. Các nguyên tắc của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	9
1.2.2.2. Khung pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	10
1.2.2.3. Vai trò của pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TẠI VIỆT NAM.....	12
2.1. Thực trạng các quy định chung về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ...	12
2.1.1. Các quy định về đăng ký và cấp phép thuốc bảo vệ thực vật	12
2.1.1.1. Loại thuốc bảo vệ thực vật được đăng ký	12
2.1.1.2. Chủ thể và trình tự, thủ tục đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam	12
2.1.1.3. Đánh giá các quy định và thực thi các quy định về đăng ký và cấp phép thuốc bảo vệ thực vật	12
2.1.2. Các quy định về bao bì và ghi nhãn thuốc bảo vệ thực vật	13
2.1.3. Các quy định về quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.....	13
2.1.4. Các quy định về thu hồi, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật.....	14
2.2. Thực trạng các quy định cụ thể về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật....	15
2.2.1. Các quy định về sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.....	15
2.2.1.1. Điều kiện về cơ sở vật chất	15
2.2.1.2. Điều kiện về nhân lực.....	15

2.2.2. Các quy định về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	16
2.2.3. Các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	17
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TẠI VIỆT NAM	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật.....	18
3.1.1. Pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.....	18
3.1.2. Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần được hoàn thiện đồng bộ với các lĩnh vực pháp luật môi trường pháp luật kinh doanh và phải đặt trong bối cảnh cách hành chính	18
3.1.3. Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV phải phù hợp với những thông lệ và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.....	18
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.....	19
3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật	19
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả trong thực hiện pháp luật.....	19
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	21
KẾT LUẬN	22

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thuốc Bảo vệ thực vật (Thuốc BVTV) là một danh từ không còn xa lạ gì, nhất là đối với những người trong ngành nông nghiệp. Thuốc BVTV là tên gọi chung để chỉ các sản phẩm hóa chất được dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm mục đích ngăn ngừa, phòng trừ và tiêu diệt các đối tượng gây hại cho cây trồng, cho nông lâm sản hay để điều hòa, kích thích sinh trưởng cho cây trồng từ đồng ruộng cho đến kho bảo quản.

Bắt nguồn từ thời Hy Lạp cổ đại, con người đã biết sử dụng chất vô cơ để diệt các loài côn trùng gây hại, đến những năm cuối thế kỷ 19 thì thuốc BVTV bắt đầu phát triển, nhằm phục vụ cho việc sản xuất và bảo quản nông sản. Lợi ích mà thuốc BVTV mang lại so với những tác hại to lớn mà nó đem đến cho chúng ta quả thực là một vấn đề mà chúng ta cần quan tâm. Hướng canh tác của bà con nhà nông đã quá phụ thuộc vào thuốc BVTV, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều mặt trong thời gian lâu dài về sau. Sử dụng thuốc BVTV tuy đem lại hiệu quả tức thời, nhanh chóng nhưng lại gây ra những hệ quả nghiêm trọng trên nhiều mặt lâu dài về sau.

Một phần do chính bản chất độc hại của thuốc BVTV, một phần là do người sử dụng không ý thức được tầm nguy hiểm của nó, nên bắt đầu lạm dụng, sử dụng thuốc BVTV một cách vô tội vạ, không kiểm soát và dùng sai cách. Trong tự nhiên, có các loài gây hại thì cũng có các loài có lợi, các loài thiên địch để cân bằng hệ sinh thái. Nhưng khi con người sử dụng thuốc BVTV thì đã tác động một cách tiêu cực, gây mất cân bằng và mất đi sự ổn định trong tự nhiên. Thuốc BVTV có tác dụng tiêu diệt các loài gây hại, nhưng bà con đâu biết rằng việc làm ấy cũng đã giết chết rất nhiều loài có lợi. Những loại thiên địch như ong ký sinh hay côn trùng bắt mồi, thường nhạy cảm với thuốc hơn những loài gây hại. Sau khi dùng thuốc, số lượng côn trùng và sâu gây hại chết rất nhiều, làm các loài thiên địch bị thiếu thức ăn và chết dần, phần khác thì lại bị ngộ độc từ con mồi đã bị trúng thuốc. Theo Pimetel (1971) để chống lại 1000 loại sâu hại thì thuốc BVTV đã tác động đến hơn 200.000 loài sinh vật không có hại mà còn quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của con người.

Ngoài ra, sau một thời gian dùng thuốc, những loài dịch hại chủ yếu trước đó bị suy yếu, gây hại không đáng kể. Ngược lại, những đối tượng mà bị xem nhẹ trước đây, gây hại ít thì lại phát triển mạnh lên và thành dịch hại

nguy hiểm, gây tổn thất nặng nề. Những dịch hại mới rất phức tạp và khó xử lý hơn những loài trước đó, và người sản xuất lại tiếp tục nghiên cứu cho ra những sản phẩm phải độc hại hơn mới có thể diệt trừ được chúng. Sau khi dùng thuốc BVTV, các dịch hại bị giảm đi số lượng quần thể một cách nhanh chóng, nhưng chúng sẽ nhanh chóng phục hồi lại với số lượng nhiều hơn trước chỉ trong thời gian ngắn. Thuốc BVTV dễ bay hơi, nhất là trong thời tiết nắng nóng. Tuy nhiên, rất ít trường hợp được ghi nhận là ngộ độc do dư lượng của thuốc BVTV trong không khí. Chủ yếu chúng tác động ở môi trường đất và môi trường nước. Sau khi sử dụng thuốc BVTV thì một phần sẽ bị bay hơi; một phần được quang hóa; một phần cây sẽ hấp thu và phân giải, chuyển hóa; dù có xử lý bằng cách nào thì cuối cùng thuốc vẫn đi vào đất. Thuốc sẽ tồn tại ở các lớp đất khác nhau vào các khoảng thời gian khác nhau, những sinh vật có lợi trong đất sẽ giúp phân giải một phần và các hạt đất hấp thu một phần (sét và mùn hút). Nhiều loại thuốc có tính độc cao sẽ giết chết rất nhiều sinh vật có lợi trong đất, thời gian phân hủy dài thì không đủ thời gian để đất phân hủy hết, mà cứ dùng lâu dài và liên tục, chắc chắn các chất sẽ tích lũy lại dần trong đất. Những phần thuốc khi chưa thấm vào đất thì chảy tràn trên đồng ruộng, kênh rạch hay thông qua đất mà ngấm vào mạch nước ngầm, chưa kể những bao bì hay lọ thuốc mà người dân vứt bỏ ngoài đồng ruộng, hay khi xúc rửa các dụng cụ chứa thuốc rồi đổ ra các nguồn nước gần đó. Tất cả đều là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường đất và nước, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe con người và của các sinh vật.

Trước những ảnh hưởng bất lợi đó, kiểm soát việc sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật là yêu cầu cấp thiết. Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật điều chỉnh về vấn đề này đã được ban hành và áp dụng trên thực tế, song hiệu quả chưa cao. Vì vậy, nó cần được nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ. Đề tài luận văn thạc sĩ “*Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam*” sẽ được thực hiện với mục đích đó.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam, cũng như nhiều nước khác trên thế giới đang đứng trước những thách thức rất lớn về vấn đề môi trường. Đặc biệt là Việt Nam - một nước nằm ở vùng nhiệt đới, lại có vị trí địa lý đặc biệt nên có lợi thế về tài nguyên và môi trường đối với việc hoạch định chiến lược phát triển. Tuy mới bước vào con đường phát triển kinh tế nhưng do đứng trước áp lực của một quốc gia đang phát triển, kinh tế là mũi nhọn phát triển cần phải được ưu tiên hàng đầu nên

Việt nam đã và đang phải đối mặt với nhiều vấn đề môi trường nghiêm trọng như: ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí từ đó phát sinh vấn đề vệ sinh môi trường phức tạp, có lúc nghiêm trọng. Đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường do các chất độc hóa học, trong đó nổi cộm là vấn đề ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật gây ra.

Đề tài nghiên cứu về thuốc BVTV đã có những công trình nghiên cứu, tiêu biểu như: *Nghiên cứu sản xuất sử dụng thuốc trừ sâu sinh học đa chức năng cho một số loại cây trồng bằng kỹ thuật công nghệ sinh học*, PGS.TS. Nguyễn Văn Tuất, Báo cáo tổng kết khoa học và kỹ thuật 2004. Đề tài này, nhằm từng bước hoàn thiện các quy trình công nghệ sản xuất một số chế phẩm sinh học có nhiều chức năng phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng có hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cụ thể, nghiên cứu sản xuất và sử dụng chế phẩm Trichoderma, tuyến trùng sinh học EPN, Momosertatin; Nghiên cứu sản xuất và sử dụng thuốc trừ bệnh Ditacin và Ketomium để phòng trừ nấm và vi khuẩn gây hại côn trùng; Xây dựng mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật tại Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình.

Nghiên cứu ứng dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học trong sản xuất rau an toàn; ảnh hưởng của chúng đến thiên địch sâu hại và chất lượng sản phẩm vùng Hà Nội và phụ cận, ThS. Đặng Thị Phương Lan, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, năm 2013. Luận án tiến sĩ này, đánh giá thực trạng các thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học; tiềm năng ứng dụng và xây dựng quy trình sử dụng an toàn, hiệu quả các thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học trong sản xuất rau, phục vụ chương trình sản xuất rau an toàn; ảnh hưởng của thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học đến chất lượng rau và tác động của chúng đối với các loài thiên địch trên ruộng rau.

Quản lý nhà nước về thuốc Bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Thị Thu Hà, Luận văn thạc sĩ, năm 2015. với nội dung phân tích thực trạng quản lý nhà nước về kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ở Thành phố Bắc Giang và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý về việc kinh doanh thuốc BVTV.

Nghiên cứu sử dụng một số chế phẩm sinh học trong sản xuất lúa an toàn theo hướng VietGAP ở tỉnh Thừa Thiên Huế, Trần Thị Xuân Phương, Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, năm 2016. Luận án tiến sĩ này giúp xác định được các nguy cơ và nguyên nhân gây mất an toàn trong sản xuất lúa tại tỉnh Thừa Thiên Huế; đề xuất các giải pháp sử dụng chế phẩm sinh học giải quyết các nguy cơ, yếu tố hạn chế đến sản xuất lúa an toàn theo hướng VietGAP và xây dựng mô hình và

hoàn thiện quy trình sản xuất lúa an toàn phù hợp với điều kiện canh tác tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quản lý Nhà nước hoạt động kinh doanh thuốc BVTV trên địa bàn huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Thị Nhật Linh, Luận văn thạc sĩ quản lý nhà nước, năm 2015. Luận văn này, góp phần hệ thống hóa lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh thuốc BVTV trong nông nghiệp; đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về kinh doanh thuốc BVTV; đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh thuốc BVTV trên địa bàn huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Các công trình nghiên cứu khoa học về thuốc BVTV nêu trên chủ yếu chỉ được đánh giá và nhìn nhận dưới góc độ khoa học kỹ thuật có liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực như: sinh học, hóa học, nông nghiệp, quản lý nhà nước...mà chưa tìm hiểu, xem xét vấn đề sản xuất kinh doanh sử dụng thuốc BVTV dưới góc độ pháp lý.

Do đó, việc nghiên cứu đề tài pháp lý về sản xuất kinh doanh thuốc BVTV là một việc làm cần thiết về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam, đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu bảo vệ môi trường của hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV nhằm bảo đảm phát triển bền vững. Mục đích nghiên cứu của luận văn sẽ tập trung xem xét các vấn đề pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật dưới góc độ của pháp luật môi trường.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài sẽ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

- Khái quát, phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam hiện nay để tìm ra những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân;

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả việc thi hành pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hệ thống các quan điểm, luận điểm; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện hành về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật cũng như thực tiễn thực hiện sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, cung cấp thuốc bảo vệ thực vật và xử lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn không nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật hay kinh tế của sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật mà chỉ tập trung nghiên cứu sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật dưới góc độ pháp lý.

5. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận để nghiên cứu đề tài này là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin .

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp phân tích được dùng để làm rõ khái niệm sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, bản chất và những đặc điểm của sản xuất kinh doanh, làm rõ những quy định của pháp luật Việt Nam về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

- Phương pháp so sánh, phương pháp lịch sử được sử dụng để xem xét quá trình hoàn thiện pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam.

- Phương pháp hệ thống được sử dụng nhằm mục đích đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật để tìm ra những bất cập.

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để khái quát hóa nhằm đưa ra những đề xuất, kiến nghị của luận văn

6. Những điểm mới của đề tài

Trên cơ sở tiếp thu và kế thừa kết quả nghiên cứu ở các công trình khoa học của các tác giả đi trước, đề tài dự kiến có những điểm mới như sau:

- Đề tài này góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.

- Đề tài góp phần làm rõ khái niệm sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

- Đề tài phân tích, giải mã nội hàm của khái niệm pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

- Đề tài đánh giá ưu điểm, nhược điểm của pháp luật hiện hành về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và thực tiễn thi hành.

- Đề tài phân tích các yêu cầu đặt ra khi hoàn thiện pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và nâng cao hiệu quả thực thi trong thực tiễn.

- Đề tài đề xuất các giải pháp mang tính khoa học nhằm mục đích hoàn thiện pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và nâng cao hiệu quả thực thi trong thực tiễn.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Chương 2: Thực trạng pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

1.1. Một số vấn đề lý luận về sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

1.1.1. Khái niệm thuốc bảo vệ thực vật

Theo Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 (sau đây gọi tắt là Luật BV&KDTV 2013) số 41/2013/ ngày 25 tháng 11 năm 2013 đã đưa ra định nghĩa về thuốc bảo vệ thực vật. Khoản 16 Điều 3 Luật BV&KDTV 2013 định nghĩa: “*Thuốc bảo vệ thực vật là chất hoặc hỗn hợp các chất hoặc chế phẩm vi sinh vật có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn, xua đuổi, dẫn dụ, tiêu diệt hoặc kiểm soát sinh vật gây hại thực vật; điều hòa sinh trưởng thực vật hoặc côn trùng; bảo quản thực vật; làm tăng độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng thuốc*”.

1.1.2. Khái niệm sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Hiện nay chưa có cách hiểu thống nhất khái niệm sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong có văn bản pháp luật có liên quan. Do đó, để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, cần xác định rõ nội hàm của khái niệm này.

- Khái niệm sản xuất sẽ được hiểu như định nghĩa tại khoản 21 Điều 3 Luật BV&KDTV năm 2013 là “ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật bao gồm sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, thuốc thành phẩm, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.”

- Khái niệm kinh doanh sẽ được hiểu hẹp hơn khái niệm kinh doanh được định nghĩa tại khoản 16 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014, chỉ bao gồm hoạt động mua bán, nhập khẩu thuốc BVTV.

- Khái niệm sử dụng thuốc BVTV được hiểu là chủ sở hữu đưa thuốc BVTV vào khai thác của nó trên thực tế.

1.1.3. Những ảnh hưởng đến môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Thuốc BVTV cũng như những thứ khác đều có 2 mặt của nó. Khi chúng ta sử dụng một cách hợp lý thì nó sẽ góp phần đáng kể trong bảo vệ mùa màng, tăng năng suất, cải thiện chất lượng nông sản. Tuy nhiên, nếu việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng một cách bừa bãi, thiếu ý thức, thiếu các biện pháp an toàn thì tai họa thật khôn lường. Đặc biệt là đối với sức khỏe của người trực tiếp sử dụng, cộng đồng và gây tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Thuốc BVTV là những hợp chất hóa học, hiện nay thường được chế xuất từ các hợp chất hóa học khác, là một loại thuốc độc dùng để tiêu diệt những loài sâu bệnh, sinh vật có hại với cây trồng. Do đó, nếu không sử dụng đúng liều lượng, nồng độ, những chất độc trong thuốc BVTV hoàn toàn có thể giết hại những sinh vật khác không phải là sinh vật gây bệnh. Ngoài ra, môi trường mà thuốc bảo vệ thực vật lan truyền ra ngoài thường là môi trường mở, ở những cánh đồng hay ruộng cây ăn trái nên vì thế nó dễ dàng xâm nhập vào môi trường khác như nước, đất, không khí... gây hại cho môi trường xung quanh. Theo thống kê chưa đầy đủ của Cục Trồng trọt, Bộ NN&PTNT thì nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam với hơn 65% dân số đang chuyển mạnh sang cơ cấu sản xuất hiệu quả hơn, trong đó trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, dịch vụ đều đạt tốc độ tăng trưởng cao. Nghĩa là, thay vì sản xuất nhỏ lẻ manh mún, người dân đã chuyển dần qua cơ giới hóa và sử dụng những sản phẩm của công nghiệp để phục vụ nông nghiệp. Do đó, lượng thuốc BVTV, hóa chất bảo quản... đều được sử dụng trong ngành nông nghiệp. Thế nhưng, tình trạng sử dụng thuốc BVTV lại chưa được quản lý một cách chặt chẽ mà chủ yếu là tự phát, rất tràn lan, thiếu kiểm soát. Theo thống kê của Cục Bảo vệ thực vật, Bộ NN&PTNT, danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng trong nông nghiệp đến năm 2020 đã lên tới 1.714 hoạt chất, hơn 400 tên thương phẩm khác nhau. Trong khi, các nước trong khu vực chỉ có khoảng từ 400-600 loại hoạt chất, như: Trung Quốc 630 loại, Thái Lan 400- 600 loại... Từ năm 2011 đến nay, hàng năm Việt Nam nhập và sử dụng từ 70.000- 100.000 tấn thuốc bảo vệ thực vật. Trong đó, thuốc trừ sâu chiếm 20,4%, thuốc trừ bệnh 23,2%, thuốc trừ cỏ 44,4%, các loại thuốc bảo vệ thực vật khác, như: thuốc xông hơi khử trùng, bảo quản lâm sản, điều hòa sinh trưởng cây trồng chiếm 12%. Khối lượng và chủng loại thuốc bảo vệ thực vật trên đã vượt gấp nhiều lần nhu cầu sử dụng cho sản xuất nông nghiệp. Qua những con số trên có thể thấy, Việt Nam là một trong số những nước có lượng tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật rất lớn [8,29,30].

Bên cạnh lượng hóa chất khổng lồ được sử dụng như thống kê ở trên thì ngay cả lượng bao bì, vỏ đựng những loại hóa chất này cũng có khối lượng khổng lồ, ảnh hưởng rất lớn đến môi trường bởi chúng đa phần là những loại vật liệu không tự phân hủy, gây hại đến xung quanh. Tình trạng lạm dụng thuốc BVTV ở hầu hết các loại cây trồng của người nông dân thực sự là hồi chuông báo động đến với toàn thể cộng đồng xã hội. Theo đó, nếu trước đây, thuốc BVTV chủ yếu sử dụng cho cây lúa thì ngày nay còn được sử dụng phổ

biển trên cây rau và nhiều loại cây trồng khác. Chưa có bất kỳ nghiên cứu và khuyến cáo nào dành cho nông dân khi sử dụng những loại hóa chất này lên rau màu, thứ thực phẩm tiêu dùng được người dân sử dụng trực tiếp nên lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động nông nghiệp rất lớn. Tuy nhiên, việc xử lý vỏ bao bì chưa được cơ quan quản lý, chính quyền, nhà sản xuất, cơ sở kinh doanh và nông dân quan tâm xử lý. Do đó, nếu không có biện pháp quản lý chặt chẽ sẽ dẫn đến vấn đề ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV và về lâu dài sẽ tác động xấu đến môi trường và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người.

Theo điều tra của Cục Y tế dự phòng về môi trường Việt Nam, hàng năm có trên 5.000 trường hợp nhiễm độc hóa chất do thuốc BVTV phải cấp cứu tại các bệnh viện và trên 300 trường hợp tử vong. Có thể nói, đây là một con số thực sự báo động và nó đã chỉ ra rằng, thuốc BVTV không chỉ gây hại đến môi trường nước, đất, hệ sinh thái... mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân, theo chiều hướng ngày càng tiêu cực hơn. Điều này diễn ra đang có xu hướng ngày càng tăng bởi thuốc BVTV hiện nay gần như được sử dụng ở tất cả các loại cây trồng, nhất là rau củ quả, hàng hóa mà người tiêu dùng đang sử dụng trực tiếp [31].

1.2. Một số vấn đề lý luận về pháp luật sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

1.2.1. Khái niệm pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

Pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật là tổng hợp các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất, mua bán, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật nhằm phát huy tác động tích cực của nó đối bảo vệ thực vật và kiểm soát nguy cơ gây ô nhiễm, bảo vệ có hiệu quả môi trường sống của con người"

1.2.2. Những yếu tố hợp thành pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Các yếu tố hợp thành pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV bao gồm các nguyên tắc pháp lý và các chế định điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất, mua bán và nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật nhằm phát huy tác động tích cực của nó đối bảo vệ thực vật và bảo vệ có hiệu quả môi trường sống của con người.

1.2.2.1. Các nguyên tắc của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Thứ nhất, nguyên tắc bảo đảm phát triển bền vững

Thứ hai, nguyên tắc bảo đảm tính hợp lý giữa sự can thiệp của Nhà nước và sự tự quyết của chủ thể kinh doanh

Thứ ba, nguyên tắc chi phí, lợi ích

1.2.2.2. Khung pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Nhóm quy định chung: Nhóm quy định này áp dụng chung cho tất cả các chủ thể thực hiện một hoặc tất cả các hoạt động như sản xuất, mua bán, nhập khẩu sử dụng thuốc BVTV. Thuộc nhóm quy định này liên quan đến các vấn đề như loại thuốc BVTV được phép sản xuất, lưu thông, sử dụng; loại thuốc BVTV cấm sản xuất, lưu thông, sử dụng; các quy định về bao bì, dán nhãn...

Nhóm quy định riêng cho từng hoạt động gồm: sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc BVTV: Các quy định của nhóm này sẽ quy định về điều kiện về cơ sở vật chất, con người, các loại giấy phép (nếu cần thiết) để thực hiện từng hoạt động cụ thể cũng như chế độ kiểm tra, báo cáo và quá trình giám sát các hoạt động này của cơ quan quản lý nhà nước và quản lý chất thải đặc thù...

1.2.3. Vai trò của pháp luật sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV có những vai trò sau:

Thứ nhất, pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV thể chế hóa những yêu cầu phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân của Nhà nước, của cộng đồng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

Thứ hai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV định hướng xây dựng "nền nông nghiệp hữu cơ", "nền nông nghiệp thân thiện với môi trường".

Thứ ba, pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV góp phần hình thành ý thức "trách nhiệm xã hội" của các chủ thể kinh doanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Cùng với việc chuyển đổi phương thức quản lý kinh tế từ chế độ bao cấp sang nền kinh tế thị trường và từ đó chuyển đổi việc quản lý nền nông nghiệp ở Việt Nam, hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ngày càng nhiều và các loại thuốc BVTV được sử dụng ngày càng đa dạng về chủng loại, công dụng. Thuốc BVTV như một sự "cứu cánh" cho người nông dân chống lại các yếu tố gây hại từ thiên nhiên như dịch bệnh, côn trùng... trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và giúp điều hòa sự sinh trưởng và đảm bảo phát triển của thực vật, ổn định năng suất và chất lượng của cây trồng. Tuy nhiên với tính chất là loại nông dược chứa nhiều thành phần hóa học và sinh học, bên cạnh những vai trò mang tính tích cực, thuốc BVTV cũng tiềm ẩn và trên thực tế đã gây ra những hiểm họa độc hại cho con người và môi trường. Do đó, việc xây dựng và thực thi các quy định kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV được đặt ra như một nhu cầu thiết yếu, khách quan.

Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV bao gồm các nguyên tắc pháp lý và các chế định, từ những quy định chung tới những quy định cụ thể kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV nhằm bảo vệ năng suất và chất lượng cây trồng nhưng cũng phải đảm bảo sức khỏe con người và môi trường.

Hệ thống văn bản pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV của Việt Nam cũng đã từng bước được ban hành và ngày càng hoàn thiện nhằm bảo vệ hoạt động sản xuất nông nghiệp của đất nước và bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng các quy định chung về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Nhóm quy định này áp dụng chung cho tất cả các chủ thể thực hiện một hoặc tất cả các hoạt động như sản xuất, mua bán, nhập khẩu thuốc BVTV. Thuộc nhóm quy định này liên quan đến các vấn đề như loại thuốc BVTV được phép sản xuất, lưu thông, sử dụng; loại thuốc BVTV cấm sản xuất, lưu thông, sử dụng; các quy định về bao bì, dán nhãn...

2.1.1. Các quy định về đăng ký và cấp phép thuốc bảo vệ thực vật

2.1.1.1. Loại thuốc bảo vệ thực vật được đăng ký

Để quản lý việc sản xuất, kinh doanh và các vấn đề khác có liên quan đến thuốc BVTV, Điều 5 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT về quản lý thuốc BVTV (sau đây gọi là Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT) quy định: *"Tất cả thuốc bảo vệ thực vật dùng để phòng trừ sinh vật gây hại thực vật; điều hòa sinh trưởng cây trồng; bảo quản thực vật; khử trùng kho; trừ mối hại công trình xây dựng và đê điều; trừ cỏ trên đất không trồng trọt; làm tăng độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng (có tên thương phẩm riêng) phải được đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam"*.

2.1.1.2. Chủ thể và trình tự, thủ tục đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam

Chủ thể và trình tự, thủ tục đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 5 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT; Điều 51 và Điều 59 Luật BV&KDTV 2013; Điều 6 Nghị định 123/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 15,16,17,19 Thông tư 21/2015/TT - BNN&PTNT của Bộ NN&PTNT

2.1.1.3. Đánh giá các quy định và thực thi các quy định về đăng ký và cấp phép thuốc bảo vệ thực vật

Một là, Pháp luật hiện hành đã bổ sung quy định loại khỏi Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam đối với thuốc BVTV đã được đăng ký

Hai là, Pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV đã dần hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này.

Ba là, Pháp luật đã quy định rõ và cụ thể chủ thể được phép đăng ký thuốc BVTV.

- *Hạn chế*: Bên cạnh những ưu điểm trên đây, theo tác giả, quy định về chu kỳ sửa đổi, ban hành Danh mục Thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục Thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam còn cứng nhắc. Theo quy định hiện hành thì Danh mục Thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục Thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam sẽ được rà soát, kiểm tra và sửa đổi hằng năm để cập nhật những loại thuốc BVTV mới được đăng ký hoặc loại bỏ những loại thuốc BVTV không còn phù hợp với thực tiễn hoặc đưa thêm vào Danh mục cấm những loại thuốc có thành phần độc tính cao, không được phép sản xuất, sử dụng. Như vậy có thể hiểu rằng, và trên thực tế thì Bộ trưởng Bộ NN&PTNT cũng chỉ ban hành mới những danh mục này mỗi năm một lần. Như vậy, những loại thuốc BVTV đã được đăng ký có khi gần một năm sau mới được bổ sung vào Danh mục. Nên chăng cần "mềm hóa" quy định này nhằm bảo đảm tính cập nhật thường xuyên của hai Danh mục này.

2.1.2. Các quy định về bao bì và ghi nhãn thuốc bảo vệ thực vật

Thuốc BVTV là loại hàng hóa đặc biệt, có độc tính cao và dễ gây nguy hại tới chất lượng môi trường tự nhiên và sức khỏe con người. Do đó bao bì và nhãn thuốc BVTV đều phải đáp ứng nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình đóng gói, vận chuyển và sử dụng

Thứ nhất, về bao bì thuốc BVTV

Được quy định cụ thể tại Điều 71 Luật BV&KDTV năm 2013 và Điều 74 Thông tư 21/2015/TT - BNN&PTNT

Thứ hai, về ghi nhãn thuốc BVTV

Được quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều 71 Luật BV&KDTV năm 2013; Khoản 4 Điều 27 Luật hóa chất năm 2007 và Điều 63,69,71 Thông tư 21/2015/TT - BNNPTNT

Các quy định hiện hành về bao bì và ghi nhãn thuốc BVTV có các ưu điểm sau:

Thứ nhất, các quy định về nội dung ghi nhãn thuốc BVTV đã chứa đựng thông tin đầy đủ hơn

Thứ hai, quy định hiện hành đã quy định rõ hơn trách nhiệm lập Phiếu an toàn hóa chất của thuốc BVTV

2.1.3. Các quy định về quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật

Thứ nhất, về đối tượng thuốc BVTV được phép quảng cáo được quy

định tại Điều 70 Luật BV&KDTV năm 2013

Loại thuốc BVTV được phép quảng cáo là những đối tượng được quy định cụ thể tại Phụ lục I thuộc Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam năm 2019, Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BNN&PTNT ngày 20/09/2019 của Bộ NN&PTNT ban hành Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc BVTV được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Thứ hai, về nội dung quảng cáo thuốc BVTV quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 60 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT bắt buộc phải đảm bảo các yêu cầu về: tên thương phẩm, tên hoạt chất thuốc BVTV; tính năng tác dụng và những điều lưu ý khi sử dụng, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đăng ký, phân phối; hướng dẫn sử dụng; cảnh báo về mức độ nguy hiểm, độc hại và chỉ dẫn phòng ngừa tác hại của thuốc BVTV.

Thứ ba, về hình thức quảng cáo thuốc BVTV được quy định cụ thể các nội dung bắt buộc phải thực hiện khi tiến hành quảng cáo thuốc BVTV tại Luật BV&KDTV năm 2013.

2.1.4. Các quy định về thu hồi, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật

Thuốc BVTV bị thu hồi là các loại thuốc thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 74 Luật BV&KDTV năm 2013.

Theo quy định tại Điều 79 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định bắt buộc thu hồi thuốc BVTV là Cục Bảo vệ thực vật và Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Việc thu hồi thuốc BVTV phải được cơ quan có thẩm quyền về BV&KDTV tiến hành theo trình tự sau:

(1) *Ra quyết định bắt buộc thu hồi.*

(2) *Gửi quyết định đến tổ chức, cá nhân có thuốc BVTV phải thu hồi, yêu cầu tổ chức cá nhân có thuốc BVTV thuộc diện bị thu hồi phải ngừng ngay việc kinh doanh thuốc BVTV này lại, xác định và gửi thông báo thu hồi thuốc BVTV đến những nơi được phân phối để thực hiện thu hồi theo chứng từ đã xuất.*

(3) *Gửi thông báo thu hồi thuốc BVTV đến cơ quan quản lý có liên quan.*

(4) *Niêm phong thuốc bảo vệ thực vật phải thu hồi.*

(5) *Tổ chức, cá nhân có thuốc BVTV thu hồi lập phương án xử lý thuốc BVTV thu hồi trình cơ quan có thẩm quyền xử lý việc thu hồi thuốc BVTV của cơ sở mình.*

(6) *Quyết định biện pháp xử lý và giám sát việc xử lý thuốc bảo vệ thực vật.*

Các biện pháp xử lý thuốc BVTV bị thu hồi được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 73 Luật BV&KDTV năm 2013 bao gồm: *"Tái xuất; tái chế; khắc phục lỗi ghi nhãn, bao gói và tiêu hủy"*.

Điều 74 Luật BV&KDTV năm 2013 đã quy định cụ thể về các loại thuốc BVTV phải tiêu hủy, bao gồm: Thuốc BVTV cấm sử dụng ở Việt Nam, không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam; thuốc BVTV quá hạn sử dụng mà không thể tái chế; thuốc BVTV không đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định mà không thể tái chế hoặc tái xuất; thuốc BVTV vô chủ, không rõ nguồn gốc xuất xứ.

2.2. Thực trạng các quy định cụ thể về sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

2.2.1. Các quy định về sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

Điều 61 Luật BV&KDTV năm 2013 quy định về điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc BVTV với các điều kiện về cơ sở vật chất – kỹ thuật và nhân lực.

2.2.1.1. Điều kiện về cơ sở vật chất

Thứ nhất, địa điểm đặt nhà xưởng phải phù hợp với quy mô sản xuất và giữ khoảng cách đúng quy định.

Thứ ba, cơ sở sản xuất thuốc BVTV phải có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường.

Thứ tư, chủ cơ sở sản xuất thuốc BVTV phải có hệ thống quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật.

2.2.1.2. Điều kiện về nhân lực

Người lao động làm việc trong các cơ sở sản xuất thuốc BVTV phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 61 Luật BV&KDTV năm 2013. Theo đó, đối với người trực tiếp quản lý, điều hành việc sản xuất tại cơ sở sản xuất thuốc BVTV phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học. Đối với người lao động trực tiếp sản xuất thuốc BVTV thì phải được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về thuốc BVTV, kỹ thuật an toàn hóa chất theo hướng dẫn tại Khoản 6 Điều 3 Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018.

Nội dung của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV được quy định cụ thể tại Điều 30, Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT bao gồm: (i) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV; (ii) Bản thuyết minh điều kiện sản xuất; (iii) Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất; (iv) Bản sao chụp giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất đáp ứng đủ các quy định về bảo vệ môi

trường do cơ quan có thẩm quyền về môi trường cấp; (v) Giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

2.2.2. Các quy định về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Nhìn dưới góc độ kinh tế - thương mại, thuốc BVTV được xem như một loại hàng hóa. Khoản 1 Điều 48 Luật Bảo vệ và kiểm dịch năm 2013 quy định: "*Thuốc bảo vệ thực vật là loại hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được quản lý theo danh mục*". Do đó, các quy định về buôn bán các loại hàng hóa này được quản lý và kiểm soát rất chặt chẽ từ năng lực chuyên môn của người kinh doanh cho đến các điều kiện khác như cửa hàng, kho bãi,... Các điều kiện cụ thể trong buôn bán thuốc BVTV từ nhân lực, địa điểm, trang thiết bị, về kho thuốc BVTV được quy định cụ thể tại Điều 63 Luật BV&KDTV năm 2013 và khoản 2 Điều 1 Nghị định 123/2018/NĐ - CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (sau đây gọi là Nghị định 123/2018/NĐ-CP).

Thứ nhất, về nhân lực

Thứ hai, về địa điểm

Thứ ba, về trang thiết bị

Thứ tư, về kho thuốc bảo vệ thực vật

2.2.3. Các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

Theo quy định tại Điều 67 Luật BV&KDTV năm 2013 và khoản 2 Điều 39 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT thì tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký thuốc BVTV trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam có thể tự mình nhập khẩu hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu thuốc BVTV, trừ một số trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật BV&KDTV năm 2013.

Thuốc BVTV trong danh mục khi nhập khẩu cần phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, thành phần, hàm lượng, dạng thuốc,...được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 39 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luật bảo vệ và kiểm dịch năm 2013 đã kế thừa những quy định của Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch trước đây, đồng thời bổ sung thêm nhiều quy định mới tiến bộ nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và phù hợp với pháp luật quốc tế về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV, đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi thực tiễn về phát triển nền kinh tế nông nghiệp nhưng cũng góp phần bảo vệ tốt hơn sức khỏe con người và môi trường. Các quy định hiện hành về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV cũng đã đáp ứng tốt hơn tính thống nhất, tính minh bạch và góp phần bảo đảm tính khả thi của hệ thống pháp luật và góp phần bảo đảm phát triển bền vững. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV vẫn còn một số hạn chế, tồn tại. Những nhược điểm này bao gồm cả những nhược điểm của chính các quy định của pháp luật và nhược điểm của quá trình triển khai thực hiện các quy định này. Có nhiều nguyên nhân khác nhau làm cho hệ thống pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng kém hiệu quả trong việc phát huy những mặt tích cực của thuốc BVTV đối với sản xuất nông nghiệp và hạn chế những ảnh hưởng xấu tới môi trường và sức khỏe con người.

Từ đây xuất hiện nhu cầu hoàn thiện pháp luật và đưa ra những giải pháp nhằm bảo đảm thực thi có hiệu quả pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật

Việc hoàn thiện pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần được thực hiện theo những định hướng sau đây:

3.1.1. Pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ môi trường

Trên cơ sở quan điểm của Đảng về phát triển nền kinh tế xanh, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020. Những kế hoạch liên quan đến tăng trưởng xanh trong lĩnh vực nông nghiệp và có tác động tới việc sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV và pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV.

3.1.2. Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần được hoàn thiện đồng bộ với các lĩnh vực pháp luật môi trường pháp luật kinh doanh và phải đặt trong bối cảnh cách hành chính

Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV vừa là một bộ phận của pháp luật kinh doanh vừa là một bộ phận của pháp luật môi trường. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV vừa phải đồng bộ với pháp luật môi trường và pháp luật thương mại.

Bên cạnh đó, trong xu thế cải cách hành chính với xu hướng bãi bỏ những "giấy phép con, giấy phép cháu" thì quá trình hoàn thiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV một mặt phải đáp ứng được những yêu cầu về bảo vệ môi trường và sức khỏe con người nhưng không được trái với xu thế này.

3.1.3. Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV phải phù hợp với những thông lệ và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia

Luật BV&KDTV năm 2013 ra đời khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) cũng như đã hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Do đó, các quy định về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV được đánh giá

là đã hợp với quy định của Hiệp định SPS về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật 1994, Công ước quốc tế IPPC về bảo vệ thực vật năm 1997, Công ước Viên về bảo vệ tầng ôzôn năm 1985 (Việt Nam tham gia ngày 26/4/1994); Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn năm 1987 (Việt Nam tham gia ngày 16/1/1994). Trong quá trình hoàn thiện các quy định về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV, cần cập nhật những yêu cầu của các công ước nêu trên nhằm bảo đảm tính phù hợp giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó cũng cần cập nhật những cảnh báo bởi tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên hợp quốc (FAO), Tổ chức y tế thế giới (WHO), chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP) về thuốc BVTV khi thực hiện đăng ký thuốc BVTV.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật

3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật

Từ những nhược điểm của quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV đã phân tích ở chương 2, tác giả xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật như sau:

Thứ nhất, cần "mềm hóa" quy định về chu kỳ sửa đổi, bổ sung, ban hành Danh mục Thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục Thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam

Thứ hai, Bộ NN&PTNT cần nhanh chóng xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao gói thuốc BVTV

Thứ ba, cần sửa đổi nội dung bắt buộc trong hoạt động quảng cáo tại Điều 60 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT

Thứ tư, cần sửa Khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ và kiểm dịch 2013 theo hướng "Chi phí thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng được lấy từ nguồn tiền ký quỹ, đặt cọc khi tổ chức, cá nhân mua thuốc BVTV để sử dụng".

Thứ năm, cần nghiên cứu và bổ sung các quy định về xuất khẩu thuốc BVTV

Thứ sáu, cần xây dựng chính sách cụ thể nhằm khuyến khích sử dụng thuốc BVTV sinh học thân thiện với môi trường

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả trong thực hiện pháp luật

Từ những bất cập trong quá trình thực thi pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV trong thời gian qua, như đã đề cập ở chương 2, cần thực hiện những giải pháp sau đây để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong

lĩnh vực này, cụ thể:

Thứ nhất, Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về thuốc bảo vệ thực vật cho người dân

Thứ hai, Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức và cơ quan quản lý về thuốc bảo vệ thực vật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và việc thực thi pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ở Việt nam, chương 3 luận văn đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, bảo đảm hiệu quả quá trình thực thi pháp luật:

1. Đề xuất ba định hướng hoàn thiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ở Việt nam gồm

Thứ nhất, pháp luật về sản xuất kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

Thứ hai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam cần được hoàn thiện đồng bộ với các lĩnh vực pháp luật môi trường pháp luật kinh doanh và phải đặt trong bối cảnh cách hành chính

Thứ ba, pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV ở Việt Nam phải phù hợp với những thông lệ và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

2. Đề xuất 6 kiến nghị hoàn thiện pháp luật hiện hành về sản xuất kinh doanh sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam

Thứ nhất, cần "mềm hóa" quy định về chu kỳ sửa đổi, bổ sung, ban hành Danh mục Thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục Thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam

Thứ hai, Bộ NN&PTNT cần nhanh chóng xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bao gói thuốc BVTV

Thứ ba, cần sửa đổi nội dung bắt buộc trong hoạt động quảng cáo tại Điều 60 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT

Thứ tư, cần sửa Khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ và kiểm dịch 2013 theo hướng "Chi phí thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng được lấy từ nguồn tiền ký quỹ, đặt cọc khi tổ chức, cá nhân mua thuốc BVTV để sử dụng

Thứ năm, cần nghiên cứu và bổ sung các quy định về xuất khẩu thuốc BVTV

Thứ sáu, cần xây dựng chính sách cụ thể nhằm khuyến khích sử dụng thuốc BVTV sinh học thân thiện với môi trường.

3. Đề xuất 2 giải pháp khác nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về thuốc bảo vệ thực vật cho người dân

Thứ hai, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức và cơ quan quản lý về thuốc bảo vệ thực vật.

KẾT LUẬN

Có thể khẳng định, thuốc BVTV từ lâu đã đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngành Nông nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung, đặc biệt là với một quốc gia nông nghiệp như Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh vai trò phòng, chống các sinh vật gây hại, bảo quản và điều hòa sinh trưởng thực vật thì thuốc BVTV cũng là một loại nông dược nguy hiểm, có thể gây ra nhiều tác hại cho con người và môi trường.

Từ đặc điểm trên, Nhà nước cần xây dựng và ban hành nhằm kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV. Các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV bao gồm các chế định và các nguyên tắc nhằm phát huy tối đa tác dụng tích cực của thuốc BVTV đối với sản xuất nông nghiệp nhưng cũng phải hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của nó đến môi trường và sức khỏe con người.

Trong thời gian qua, Việt nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để kiểm soát việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng nhằm đảm bảo thuốc BVTV phát huy được vai trò trên thực tế nhưng không ảnh hưởng tới môi trường sống của con người. Hệ thống pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV đến nay ngày càng được hoàn thiện hơn, trở thành hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý nhà nước về thuốc BVTV cũng như là công cụ định hướng cho các hoạt động của các chủ thể liên quan đến sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV. Luật BV&KDTV năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã kế thừa, sửa đổi nhiều quy định và cũng đã bổ sung nhiều quy định mới nhằm khắc phục hạn chế còn tồn tại, hạn chế của các quy định trước đây. Tuy nhiên, những quy định về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV của pháp luật hiện hành vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, nhiều quy định không sát với thực tiễn nên hiệu quả thi hành chưa cao. Thêm vào đó, việc thực thi các quy định này trên thực tế trong thời gian qua còn chưa được hiệu quả như mong muốn và từ đó gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.

Chính vì vậy, Nhà nước cần thực hiện những giải pháp hoàn thiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV và có những giải pháp để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật nhằm hướng tới một nền kinh tế nông nghiệp ít hoặc không sử dụng thuốc BVTV và có những giải pháp để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật nhằm hướng tới một nền kinh tế nông nghiệp ít hoặc không sử dụng thuốc BVTV hóa học, tăng cường sử dụng thuốc BVTV thân thiện với môi trường nhằm góp phần phát triển đất nước.